

## THƯ MỜI YÊU CẦU BÁO GIÁ

**Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam**

Bệnh viện Y học cổ truyền và phục hồi chức năng Tỉnh Quảng Trị có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu: **Mua sắm Hoá chất xét nghiệm sinh hoá, huyết học, sinh phẩm sử dụng năm 2023-2024 của Bệnh viện Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng tỉnh Quảng Trị** (thuộc dự án: Mua sắm Hoá chất xét nghiệm sinh hoá, huyết học, sinh phẩm sử dụng năm 2023-2024 của Bệnh viện Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng tỉnh Quảng Trị, dự toán mua sắm: 497.981.000 VNĐ với nội dung cụ thể như sau:

### **I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá**

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: **Bệnh viện Y học cổ truyền và phục hồi chức năng tỉnh Quảng Trị**

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

Họ tên: Trần Thị Hương Lan

Chức vụ: P.Trưởng khoa Dược – TTB

Số điện thoại: 0915.004.376

Email: [huonglanduoc@gmail.com](mailto:huonglanduoc@gmail.com)

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

\* Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Khoa Dược – TTB, Bệnh viện y học cổ truyền và phục hồi chức năng Tỉnh Quảng Trị: Khu phố Hòa lý Hải- Thị Trấn Cửa Tùng- Huyện Vĩnh Linh- Tỉnh Quảng trị

\*Nhận qua Email: [huonglanduoc@gmail.com](mailto:huonglanduoc@gmail.com)

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: **Từ 08h ngày 06 tháng 10 năm 2023 đến trước 17h ngày 16 tháng 10 năm 2023**

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày tháng 10 năm 2023.

## II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục thiết bị y tế/ linh kiện, phụ kiện, vật tư thay thế sử dụng cho trang thiết bị y tế (gọi chung là thiết bị).

| ST<br>T | Danh mục               | Mô tả yêu cầu về<br>tính năng, thông<br>số kỹ thuật và các<br>thông tin liên<br>quan về kỹ thuật | Số lượng | Đơn<br>vị tính |
|---------|------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|----------------|
| 1       | ALT                    | R1: 4 x 30 ml<br>R2: 1 x 30 ml                                                                   | 3000     | ml             |
| 2       | AST                    | R1: 4 x 30 ml<br>R2: 1 x 30 ml                                                                   | 3000     | ml             |
| 3       | Creatinine             | R1: 1 x 125 ml<br>R2: 1 x 125 ml<br>R3: 1 x 10 ml                                                | 3000     | ml             |
| 4       | Cholesterol            | R1: 2 x 100 ml<br>R2: 1 x 5 ml                                                                   | 3600     | ml             |
| 5       | Extra Cleaning         | 2 x 250 ml                                                                                       | 1000     | ml             |
| 6       | GGT                    | R1: 8 x 30 ml<br>R2: 8 x 30 ml                                                                   | 3120     | ml             |
| 7       | Glucose                | R1: 2 x 200 ml<br>R2: 1 x 5 ml                                                                   | 6000     | ml             |
| 8       | HDL Cholesterol Direct | R1: 1 x 60 ml<br>R2: 1 x 20 ml                                                                   | 1000     | ml             |
| 9       | Ipo Cleaning           | 2 x 250 ml                                                                                       | 1000     | ml             |
| 10      | Total Protein          | R1: 1 x 200 ml<br>R2: 1 x 5 ml                                                                   | 1000     | ml             |
| 11      | Triglycerides          | R1: 4 x 100 ml<br>R2: 1 x 5 ml                                                                   | 3600     | ml             |

|    |                                                     |                                                 |         |      |
|----|-----------------------------------------------------|-------------------------------------------------|---------|------|
| 12 | Urea                                                | R1: 4 x 30 ml<br>R2: 1 x 30 ml<br>R3: 1 x 10 ml | 3000    | ml   |
| 13 | Uric Acid                                           | R1: 4 x 30 ml<br>R2: 1 x 30 ml<br>R3: 1 x 10 ml | 1500    | ml   |
| 14 | Vật liệu kiểm soát xét nghiệm sinh hoá mức 1        | R1: 10 x 5 ml<br>R2: 1 x 60 ml                  | 100     | ml   |
| 15 | Vật liệu kiểm soát xét nghiệm sinh hoá mức 2        | R1: 10 x 5 ml<br>R2: 1 x 60 ml                  | 100     | ml   |
| 16 | Chất hiệu chuẩn đa xét nghiệm sinh hoá              | R1: 10 x 5 ml<br>R2: 1 x 60 ml                  | 100     | ml   |
| 17 | Que thử nước tiểu (Mutistix 10 SG hoặc tương đương) | Hộp 100 test                                    | 600     | Test |
| 18 | Dung dịch pha loãng Minidil LMG                     | Hộp 10L                                         | 150.000 | ml   |
| 19 | Dịch phá vỡ hồng cầu ABX Minilyse LMG               | Hộp 1L                                          | 12.000  | ml   |
| 20 | Dịch rửa ABX Miniclean                              | Hộp 1L                                          | 16.000  | ml   |
| 21 | Dịch rửa ABX Minoclair                              | Hộp 0.5 L                                       | 3000    | ml   |
| 22 | MINOTROL 16 TWIN-PACK (2N) 2ML                      | Hộp 2 ống x 2.5 ml                              | 40      | ml   |
| 23 | Test NS1                                            | 10 test/hộp                                     | 500     | Test |
| 24 | Test viêm gan B HBsAg                               | 25 test/hộp                                     | 250     | Test |
| 25 | Test dạ dày H.Pylori                                | 25 test/hộp                                     | 50      | Test |
|    | <b>Tổng cộng ( 25 khoản)</b>                        |                                                 |         |      |

2. Địa điểm cung cấp, lắp đặt; các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, lắp đặt, bảo quản thiết bị y tế: **Tại khoa Dược – TTB của Bệnh viện Y học cổ truyền và phục hồi chức năng Tỉnh Quảng Trị ( Khu phố: Hòa Lý Hải – Thị trấn Cửa Tùng- Huyện Vĩnh linh-Tỉnh Quảng Trị)**

3. Thời gian giao hàng dự kiến: Từ 01 tháng 11 đến 30 tháng 11 năm 2023

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng:

Thời hạn thanh toán: trong vòng 90 ngày kể từ ngày Chủ đầu tư nhận được các biên bản nghiệm thu và các giấy tờ liên quan theo quy định./.

**Nơi nhận:**

- Như kính gửi;
- BGĐ, các khoa phòng;
- Lưu VT.



**BSCKI Hoàng Thanh Chương**